

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-9-2020
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Liệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 20, tổ 2, ấp M, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 20, tổ 2, ấp M, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Su thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và ông C tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyền số 02 ngày 04/12/2002.

Su khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra tranh cãi. Ông C đi làm về thì thường xuyên ăn nhậu, chửi bới, đánh đập tôi, coi thường tôi không làm ra tiền. Đầu năm 2020 tôi có nộp đơn xin ly hôn với ông C nhưng ông C xin tha thứ nên tôi đã rút đơn khởi kiện, đến nay ông C vẫn không thay

đôi nên tôi thấy không còn tình cảm gì với ông C, không thể níu kéo được nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C.

Về con chung: Tôi và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/3/2009. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với ông C. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Tôi thừa nhận việc kết hôn và đăng ký kết hôn như bà S trình bày. Tôi cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn như bà S trình bày. Bà S có nộp đơn xin ly hôn với tôi 01 lần nhưng đã rút đơn vì cho tôi cơ hội. Hiện nay bà S nộp đơn xin ly hôn với tôi lần nữa thì tôi vẫn không đồng ý ly hôn với bà S vì lý do không muốn con cái sống thiếu tình tH của cha mẹ. Hiện nay bà S đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với tôi nữa. Tôi có đi tìm bà S nhưng không được. Trong trường hợp bà S đồng ý giao 02 con chung cho tôi nuôi thì tôi đồng ý ly hôn với bà S.

Về con chung: Tôi và bà S có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/3/2009. Tôi không đồng ý giao 02 con chung cho bà S nuôi dưỡng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/3/2009 cho bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị S, bị đơn ông Nguyễn Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S và ông C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Su thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và ông C tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 02 ngày 04/12/2002. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà S trình bày: Su khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra tranh cãi. Ông C đi làm về thì thường xuyên ăn nhậu, chửi bới, đánh đập tôi, coi thường tôi không làm ra tiền. Đầu năm 2020 tôi có nộp đơn xin ly hôn với ông C nhưng ông C xin tha thứ nên tôi đã rút đơn khởi kiện, đến nay ông C vẫn không thay đổi nên tôi thấy không còn tình cảm gì với ông C, không thể níu kéo được nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C.

Nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông C là trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người đã sống ly thân. Bị đơn ông C đã thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như lời bà S trình bày, bà S đã tạo cơ hội cho ông C thay đổi, sửa chữa nhưng ông C không thay đổi được. Ông không đồng ý ly hôn là vì sợ các con sống thiếu tình tH của cha mẹ chứ không phải vì bản thân ông còn tình cảm với bà S. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông C là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không muốn hàn gắn đoàn tụ, cũng như việc cả hai đều xin vắng mặt ở các buổi hòa giải, phiên tòa.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[3.2] Về con chung:

Bà S và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/3/2009. Theo trình bày của bà S và ông C thì hiện nay ông C đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Tuy nhiên cháu T, cháu H đều có nguyện vọng được sống với bà S để được phát triển tốt về mọi mặt, có sự xác nhận của ông C. Ông C cũng thừa nhận bản thân mình thường xuyên ăn nhậu, chửi bới, đánh đập vợ. Như vậy nếu giao 02 con chung cho ông C thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tinh thần của các cháu. Do vậy có cơ sở để giao con chung cho bà S nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu T, cháu H cho bà S chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu nên tạm thời miễn cho ông C nghĩa vụ trên.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà S và ông C đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/3/2009 cho bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con; ông C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà S nộp, theo Biên lai thu số 0005294 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà S phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã L;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liệu

Dương Văn Hạnh

Lê Xuân Hòa

